

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1145/QĐ-UBND

Tuy Hòa, ngày 25 tháng 7 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định khung giá sử dụng xe ô tô áp dụng trên địa bàn tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 59/2007/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng phương tiện đi lại trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, công ty nhà nước và Quyết định số 184/2007/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 59/2007/QĐ-TTg;

Căn cứ Thông tư số 103/2007/TT-BTC ngày 29 tháng 8 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 59/2007/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng phương tiện đi lại trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, công ty nhà nước;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 967/STC-HCSN ngày 03 tháng 6 năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định khung giá sử dụng xe ô tô để áp dụng cho các cơ quan, đơn vị thuộc địa phương và Trung ương quản lý trên địa bàn tỉnh trong trường hợp sử dụng số xe hiện có của cơ quan, đơn vị như sau:

Đơn vị tính: đồng/km

STT	Loại xe	Khung giá	
		Mức giá tối thiểu	Mức giá tối đa
I	Loại xe sử dụng nhiên liệu xăng		
1.	Từ 4 đến 5 chỗ ngồi	2.580	4.180
2.	Từ 6 đến 9 chỗ ngồi	3.020	4.630

3.	Từ 12 đến 16 chỗ ngồi	3.470	4.920
II	Loại xe sử dụng nhiên liệu Diesel		
1.	Từ 4 đến 5 chỗ ngồi	2.380	3.960
2.	Từ 6 đến 9 chỗ ngồi	2.950	4.250
3.	Từ 12 đến 16 chỗ ngồi	3.380	4.670

Điều 2. Căn cứ vào khung giá sử dụng xe ô tô nêu tại Điều 1, Thủ trưởng các cơ quan và đơn vị quy định đơn giá khoán cho từng xe để làm cơ sở thanh toán chi phí sử dụng xe theo số km thực tế sử dụng cho các đối tượng có tiêu chuẩn.

Các cơ quan, đơn vị thực hiện mở sổ sách kế toán theo dõi chi phí sử dụng thực tế (không bao gồm chi phí khấu hao) đối với từng đầu xe bao gồm: tiền lương lái xe, chi phí nhiên liệu, chi phí sửa chữa xe (bao gồm cả chi phí sửa chữa lớn được phân bổ hợp lý) và các chi phí liên quan đến vận hành, sử dụng xe. Chi phí thực tế sử dụng xe được công khai hàng năm cùng với việc công khai sử dụng kinh phí chung của cơ quan.

Việc xử lý số tiền chênh lệch giữa số chi theo mức khoán và chi phí thực tế hàng năm được thực hiện theo quy chế của từng cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trên cơ sở cơ chế tài chính hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Giao Sở Tài chính phối hợp cơ quan liên quan hướng dẫn và kiểm tra trong việc thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, Thủ trưởng cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Bá Lộc

3.	Từ 12 đến 16 chỗ ngồi	3.470	4.920
II	Loại xe sử dụng nhiên liệu Diesel		
1.	Từ 4 đến 5 chỗ ngồi	2.380	3.960
2.	Từ 6 đến 9 chỗ ngồi	2.950	4.250
3.	Từ 12 đến 16 chỗ ngồi	3.380	4.670

Điều 2. Căn cứ vào khung giá sử dụng xe ô tô nêu tại Điều 1, Thủ trưởng các cơ quan và đơn vị quy định đơn giá khoán cho từng xe để làm cơ sở thanh toán chi phí sử dụng xe theo số km thực tế sử dụng cho các đối tượng có tiêu chuẩn.

Các cơ quan, đơn vị thực hiện mở sổ sách kế toán theo dõi chi phí sử dụng thực tế (không bao gồm chi phí khấu hao) đối với từng đầu xe bao gồm: tiền lương lái xe, chi phí nhiên liệu, chi phí sửa chữa xe (bao gồm cả chi phí sửa chữa lớn được phân bổ hợp lý) và các chi phí liên quan đến vận hành, sử dụng xe. Chi phí thực tế sử dụng xe được công khai hàng năm cùng với việc công khai sử dụng kinh phí chung của cơ quan.

Việc xử lý số tiền chênh lệch giữa số chi theo mức khoán và chi phí thực tế hàng năm được thực hiện theo quy chế của từng cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trên cơ sở cơ chế tài chính hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Giao Sở Tài chính phối hợp cơ quan liên quan hướng dẫn và kiểm tra trong việc thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, Thủ trưởng cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Bá Lộc